

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM TỪ GIẢI PHÁP KIỂM CHẾ NHẬP SIÊU

Th.s Nguyễn Quốc Nghi

Trường Đại học Cần Thơ

Trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế, nhập siêu là một hiện tượng trở nên phổ biến ở các nước đang phát triển vì các quốc gia cần nhiều máy móc, trang thiết bị, vật tư kỹ thuật mà trong nước chưa sản xuất được để đáp ứng việc đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, một nước đang phát triển như Việt Nam thì việc trở thành nước nhập siêu lớn nhất trong khu vực ASEAN là vấn đề cần phải xem xét. Thêm vào đó, việc nhập siêu tập trung quá mức vào một số thị trường và mức nhập siêu năm sau thường cao hơn năm trước là những yếu tố gây nhiều khó khăn cho sự tăng trưởng kinh tế lâu dài và bền vững của đất nước. Do đó, việc đề xuất những giải pháp để kiểm chế nhập siêu cũng như tìm ra hướng đi cho hàng xuất khẩu Việt Nam là hết sức cấp thiết.

1 Thực trạng xuất nhập khẩu và nhập siêu của Việt Nam

Nhìn lại quá trình xuất nhập khẩu của Việt Nam trong 20 năm qua, một bức tranh chung mà nhiều chuyên gia kinh tế đã phác họa là tình trạng nhập siêu ngày càng diễn biến phức tạp, điều này đã dẫn đến nhiều khó khăn cho Chính phủ trong việc vận hành con tàu kinh tế Việt Nam phát triển bền vững. Thật vậy, Việt Nam luôn nằm trong tình trạng nhập siêu lớn. Nếu như năm 2000, mức nhập siêu mới chỉ dừng ở mức 1.153,8 triệu USD thì đến năm 2008 đã lên tới 18.028,7 triệu USD. Năm 2009, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng

tài chính thế giới, xuất khẩu và nhập khẩu của nước ta đều giảm mạnh, mức nhập siêu giảm xuống còn 12.852,5 triệu USD. Đến năm 2010, khi nước ta đã dần thoát khỏi khủng hoảng thì cả xuất và nhập khẩu đều đã tăng trưởng trở lại, trong đó mức nhập siêu là 12.375 triệu USD. Mặc dù mức nhập siêu hai năm trở lại đây đã giảm xuống, nhưng thực tế cho thấy khó có thể giảm một cách bền vững, mà ngược lại, tình trạng nhập siêu liên tục như vậy làm ảnh hưởng đến cán cân thanh toán, dẫn đến nợ nước ngoài gia tăng và làm suy yếu sức mạnh của nền kinh tế nước ta.

Nếu xét về nguồn nhập siêu

của Việt Nam, chúng ta rất dễ nhận thấy nhập siêu của Việt Nam quá tập trung vào một số ít quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Á, Đông Nam Á, đặc biệt là Trung Quốc. Từ xuất siêu sang Trung Quốc 73 triệu USD vào năm 1999 thì đến năm 2009 vừa qua, Việt Nam đã nhập siêu khoảng 11,53 tỷ USD, chiếm gần 90% tổng nhập siêu của Việt Nam. Như vậy, có thể nói, nếu Việt Nam giải quyết được bài toán nhập siêu từ Trung Quốc, thì có thể giải quyết được bài toán nhập siêu hiện đang là nhiệm vụ hàng đầu trong công tác điều hành xuất nhập khẩu hàng hóa.

Nếu xét về cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam

Bảng 1: Tình hình xuất nhập khẩu và nhập siêu của Việt Nam giai đoạn 1990-2010

DVT: Triệu USD

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Nhập siêu
1990	2.404,0	2.752,0	348,0
1995	5.449,0	8.155,0	2.706,0
2000	14.482,7	15.636,5	1.153,8
2005	32.477,1	36.761,1	4.314,0
2006	39.826,2	44.891,1	5.046,9
2007	48.561,4	62.764,7	14.203,3
2008	62.685,1	80.713,8	18.028,7
2009	57.096,3	69.948,8	12.852,5
2010	71.629,0	84.004,0	12.375,0

Nguồn: Niên giám Thống kê 2009 và Tình hình kinh tế - xã hội năm 2010, Tổng cục Thống kê

Bảng 2: Tình hình cán cân thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc

Đvt: Triệu USD

Năm	Giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc	Giá trị nhập khẩu từ Trung Quốc	Cán cân thương mại (+) Xuất siêu; (-) Nhập siêu
1999	746	673	+ 73
2006	3.030,0	7.390,9	- 4.360,9
2007	3.356,7	12.502	9.145,3
2008	4.535,7	15.652,12	- 11.116,4
2009	4.909	16.440,9	11.513,9

Nguồn: Niên giám thống kê 2009

thì dễ nhận thấy rằng trong khi Việt Nam chủ yếu nhập khẩu từ ASEAN, Hàn Quốc và đặc biệt là Trung Quốc thì các thị trường xuất khẩu của nước ta lại tập trung vào Mỹ, Nhật, EU... Số liệu từ Bộ Công Thương cho thấy, năm 2009, Việt Nam xuất siêu vào Mỹ, EU lần lượt là 8,4 và 3,8 tỷ USD, trong khi nhập siêu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và ASEAN lần lượt là 11,3; 4,2 và 4,9 tỷ USD. Ngoài ra, xét riêng về xuất khẩu, Việt Nam phụ thuộc quá nhiều vào một nhóm nhỏ các quốc gia. Năm 2009, kim ngạch xuất khẩu vào năm thị trường lớn này đã lên đến 74,2%, riêng Mỹ đã chiếm tới 20,8%. Đến năm 2010, con số này vẫn còn rất lớn (63,2%), trong đó Mỹ chiếm 17,9%. Việc tập trung vào một số ít thị trường dễ làm cho Việt Nam phải chịu nhiều tác động từ những biến động ở các thị trường này, đồng thời, điều này dẫn tới Việt Nam dễ bị các thị trường này áp dụng những biện pháp phòng vệ thương mại, từ đó gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt

Nam bởi hầu hết các doanh nghiệp này còn khá non trẻ và thiếu kinh nghiệm trên thị trường quốc tế.

Phân tích theo cơ cấu ngành hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam cho thấy, trong khi Việt Nam nhập siêu ở ngành công nghiệp và dịch vụ thì lại xuất siêu trong ngành nông nghiệp. Phần lớn các sản phẩm xuất khẩu chủ lực hiện nay là sản phẩm thô và sơ chế trên cơ sở khai thác các lợi thế về tài nguyên và nhân công rẻ (dầu thô, gạo, cao su,...) và các sản phẩm gia công cho nước ngoài, thực hiện khâu có giá trị gia tăng thấp nhất trong chuỗi giá trị (dệt may, giày dép, linh kiện điện tử,...). Các nhóm hàng nhập siêu của Việt Nam không chỉ dừng lại ở lĩnh vực mậu dịch hàng hóa mà còn nhập siêu cả trong lĩnh vực dịch vụ như giáo dục, y tế, du lịch... và tỷ lệ nhập siêu của ngành này có xu hướng tăng rõ rệt qua các năm. Nếu như năm 2005, nhập siêu từ hoạt động dịch vụ là 185 triệu USD, thì đến năm 2009 con số này đã tăng lên đến 1.134 triệu USD.

Nhưng nhìn chung, bức tranh xuất khẩu của Việt Nam năm 2010 đã có nhiều tín hiệu khả quan, giá trị xuất khẩu cả năm đạt 71,6 tỷ USD (tăng 25,5% so với năm 2009). Nhiều mặt hàng trong năm 2010 tăng mạnh về số lượng xuất khẩu, giúp duy trì tăng trưởng xuất khẩu và thể hiện được quy mô mở rộng sản xuất. Trong số các mặt xuất khẩu chủ lực trong năm 2010, có đến 18 nhóm mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD (năm 2009 có 12 mặt hàng). Có nhiều mặt hàng xuất khẩu đạt mức tăng trưởng cao về lượng so với năm 2009 như: hàng dệt may đạt 11,2 tỷ USD, tăng 23,2%; giày dép đạt 5,1 tỷ USD, tăng 24,9%; thủy sản 4,9 tỷ USD, tăng 16,5%; hàng điện tử máy tính 3,6 tỷ USD, tăng 28,8%; gỗ và sản phẩm gỗ 3,4 tỷ USD, tăng 31,2%; gạo đạt 3,2 tỷ USD, tăng 20,6; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng 3 tỷ USD, tăng 48%; cao su 2,4 tỷ USD, tăng 93,7%. Nhìn chung, xuất khẩu hàng hóa năm 2010 có nhiều thuận lợi do đơn giá nhiều mặt hàng trên thị trường

Bảng 3: Xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2008-2010 phân theo thị trường

Đvt: (%)

Thị trường	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Mỹ	20,4	20,8	17,9
EU	18,6	17,2	13,9
ASEAN	17,5	15,7	13,0
Nhật	14,6	11,5	9,6
Trung Quốc	7,8	9,0	8,8
Thị trường khác	21,1	25,8	36,8

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê và Bộ Công Thương



Bảng 4: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ

Năm	Xuất khẩu (triệu USD)	Nhập khẩu (triệu USD)	Nhập siêu (triệu USD)	Tỷ lệ nhập siêu (%)
2005	4.265	4.450	185	4,3
2006	5.100	5.122	22	0,4
2007	6.460	7.177	717	11,1
2008	7.006	7.956	950	13,6
2009	5.766	6.900	1.134	19,7

Nguồn: Kinh tế 2009- 2010 Việt Nam và Thế giới, Thời báo Kinh tế Việt Nam

thế giới tăng cao, trong đó giá sản và sản phẩm sản tăng 90,7%; cao su tăng 81%; than đá tăng 52,9%; dầu thô tăng 33,7%). Về thị trường nhập khẩu, theo số liệu của Bộ Công Thương, một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng cao là: lúa mì tăng 70,4%; kim loại thường khác tăng 57,7%; nguyên phụ liệu dệt may, giày dép tăng 36%; chất dẻo tăng 33,9%; điện tử máy tính và linh kiện tăng 30,7%; vải tăng 27,2%; thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu tăng 22,4%; sắt thép tăng 15%. Cơ cấu kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2010 không có sự thay đổi lớn so với năm trước, trong đó nhóm tư liệu sản xuất vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, kế đến là nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng. Tương tự xuất khẩu, đơn giá một số mặt hàng trên thị trường thế giới tăng cao là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm tăng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2010, do đó, Việt Nam vẫn nhập siêu gần 12,4 tỷ USD.

Thực tế cho thấy, hàng chục năm qua, Việt Nam đã đẩy mạnh xuất khẩu với mục tiêu là giảm nhập siêu, thế nhưng đến nay tình trạng nhập siêu đã không giảm mà còn có xu hướng tăng cho dù xuất khẩu có tăng cao. Nguyên nhân là bởi có quá nhiều ngành hàng xuất khẩu chủ lực hiện nay đều phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu, tư liệu sản xuất, thậm chí có ngành phải nhập đến 80% tư liệu sản xuất từ nước ngoài, do đó nếu giảm

nhập khẩu sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất trong nước. Điều này dẫn đến kim ngạch xuất khẩu tăng nhưng nguồn thu ngoại tệ không tăng tương xứng do phải chi cho yếu tố sản xuất nhập khẩu. Vì vậy, mặc dù kim ngạch xuất khẩu lớn nhưng giá trị thực sự mang lại cho nền kinh tế chẳng bao nhiêu.

2. Một số nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhập siêu của Việt Nam

Dựa vào nhận định, đánh giá của các chuyên gia kinh tế và nhìn nhận thực trạng hoạt động ngoại thương của Việt Nam trong những năm qua, tác giả rút ra một số nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình trạng nhập siêu của Việt Nam, đó là:

Thứ nhất, do thể chế chính sách có liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam chưa theo kịp tiến trình hội nhập. Một thời gian dài nước ta đi theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, do đó khi mở cửa nền kinh tế đã phải bắt tay ngay vào hội nhập với nhiều điều kiện ràng buộc của WTO đã khiến cho việc đề xuất và thực hiện chính sách hỗ trợ, phát triển xuất khẩu và giảm nhập siêu diễn ra chưa thực sự hiệu quả. Bên cạnh đó, nhiều năm nay, nền công nghiệp của Việt Nam theo đuổi mô hình tăng trưởng theo chiều rộng trên cơ sở tăng vốn, chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên và lao động gia công giá rẻ. Đó cũng chính là nguồn gốc cơ bản của tình trạng nhập siêu tăng cao như

hiện nay.

Thứ hai, do cơ cấu hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam. Trong khi Việt Nam chủ yếu xuất khẩu những sản phẩm nông sản chưa qua chế biến, các nguyên liệu thô và những sản phẩm tạo ra giá trị gia tăng nhỏ thì lại nhập khẩu những máy móc, thiết bị, tư liệu sản xuất và những vật tư kỹ thuật có giá trị cao, khiến cho cán cân thương mại hàng năm thâm hụt một cách mạnh mẽ. Thêm vào đó, Việt Nam tuy là một đất nước nông nghiệp nhưng do thiếu vùng quy hoạch chuyên canh dẫn tới sản xuất manh mún, không đáp ứng được nhu cầu của sản xuất, chế biến, do đó nhiều loại nông sản phục vụ cho ngành công nghệ chế biến cũng phải nhập khẩu từ nước ngoài.

Thứ ba, để hạn chế tình trạng nhập khẩu tư liệu sản xuất từ nước ngoài thì việc phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ là rất quan trọng. Tuy nhiên, ngành công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam mới chỉ phát triển ở mức độ sơ khai, còn yếu và thiếu về mọi mặt. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ hiện vẫn ở trình độ phát triển thấp, chất lượng không ổn định, chủ yếu phục vụ trong nước nên không đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài. Chất lượng sản phẩm còn kém hơn so với nhiều nước trong khu vực như Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan,... Thêm vào đó, các chính sách nhằm tạo điều kiện

khuyến khích sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ chưa thực sự hấp dẫn, cho nên việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành công nghiệp theo hướng phát triển công nghiệp sản xuất nguyên phụ liệu còn chậm, đây là một trong những nguyên nhân khiến cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn phụ thuộc quá nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Thứ tư, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cạnh tranh kém. Công nghệ, năng lực quản lý yếu kém, khả năng tài chính có hạn cộng với việc thiếu thông tin về thị trường thế giới, về đối thủ cạnh tranh khiến cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ít có khả năng cạnh tranh cả về giá, chất lượng lẫn hoạt động hậu mãi so với các hàng hóa cùng loại của nhiều nước trên thế giới. Đặc biệt, do chưa đáp ứng được các rào cản kỹ thuật mà các nước nhập khẩu đưa ra khiến cho nhiều nhóm hàng xuất khẩu của Việt Nam bị tiêu hủy hoặc trả về.

Thứ năm, như đã phân tích, Việt Nam quá phụ thuộc vào một nhóm nhỏ các thị trường nhập khẩu lớn như Mỹ, EU... do đó bất kỳ biến động nào xảy ra ở các thị trường này cũng đều ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các nhà xuất khẩu Việt Nam. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam vẫn còn kém hiểu biết về sản xuất, tiêu dùng và luật lệ các nước, do đó một khi nước nhập khẩu áp dụng các rào cản thương mại hoặc kiện bán phá giá thì các doanh nghiệp này khó có thể theo đuổi các vụ kiện và quan trọng hơn là điều này làm cho xuất khẩu Việt Nam giảm sút, góp phần gia tăng giá trị nhập siêu.

Thứ sáu, Việt Nam nhập siêu quá nhiều từ Trung Quốc. Việc nhập siêu chỉ dồn vào một số thị trường ở châu Á, đặc biệt là Trung Quốc, gây ra tình trạng mất cân đối về thị

trường nhập siêu và xuất siêu. Điều này có thể được lý giải là do các doanh nghiệp Trung Quốc dễ dàng xuất khẩu hàng sang Việt Nam trong khi doanh nghiệp Việt Nam lại khó xuất hàng qua bên kia biên giới. Điều này cho thấy Việt Nam vẫn còn yếu và thiếu kinh nghiệm trong việc đưa ra các biện pháp và rào cản hạn chế nhập khẩu.

Thứ bảy, tình hình nhập siêu của Việt Nam một phần còn do việc tiêu dùng quá khả năng của đất nước. Một bộ phận người tiêu dùng Việt Nam còn có tâm lý "sính hàng ngoại" mà chưa có ý thức cao trong việc tiêu dùng hàng nội. Hàng năm, một số lượng lớn hàng hóa xa xỉ như ô tô, mỹ phẩm, điện thoại di động,... được nhập khẩu một cách đều đặn, năm sau cao hơn năm trước. Đây chính là chất "xúc tác" cho các hoạt động nhập khẩu được tăng cường, góp phần gia tăng nhập siêu.

Như vậy, nghiên cứu tình hình nhập siêu và các nhân tố tác động đến chúng, có thể thấy rằng việc giải bài toán nhập siêu là hết sức khó khăn và cần được thực hiện trong một thời gian dài, nếu không sẽ dễ dẫn đến việc vi phạm các cam kết quốc tế và đe dọa tính bền vững trong phát triển của nền kinh tế Việt Nam nói chung và xuất nhập khẩu hàng hóa nói riêng.

3. Giải pháp kiểm soát nhập siêu góp phần tăng trưởng kinh tế bền vững

Thông qua việc nhận định, đánh giá những nguyên nhân, tồn tại dẫn đến hiện tượng nhập siêu ở Việt Nam trong thời gian qua, một số giải pháp cần phải thực thi để kiểm soát nhập siêu góp phần tăng trưởng kinh tế Việt Nam bền vững, đó là:

Thứ nhất, tái cấu trúc thị trường xuất nhập khẩu. Đây là giải pháp cực kỳ quan trọng đối với Việt Nam. Để có thể phát triển bền vững và hiệu

quả, cần tái cấu trúc thị trường xuất nhập khẩu theo hướng đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, để tránh các rào cản pháp lý thương mại và chia sẻ rủi ro, Việt Nam không nên tăng trưởng xuất khẩu quá nhanh vào một số ít thị trường. Cần nghiên cứu kỹ, nắm được những đặc điểm, thế mạnh của từng thị trường, chẳng hạn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, ASEAN, Trung Quốc để có những bước đi phù hợp. Bên cạnh đó, cần tích cực nghiên cứu và tìm hiểu về các thị trường tiềm năng như UAE, Trung Đông, Châu Phi, Trung và Nam Mỹ để có những biện pháp thích hợp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường này, đồng thời từng bước giành lại vị thế trên thị trường Nga, các nước SNG và Đông Âu.

Thứ hai, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu theo hướng tăng dần các sản phẩm của ngành công nghiệp chế tạo có hàm lượng chất xám cao như phần mềm, linh kiện điện, điện tử... và giảm dần các mặt hàng xuất khẩu thô, chưa qua chế biến. Thực tế cho thấy rằng, việc phát triển kinh tế theo chiều rộng nhờ vào lợi thế tài nguyên và nhân công rẻ đã không còn thực sự phù hợp cho Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, do đó, phát triển kinh tế nên chuyển sang hướng tập trung vào chiều sâu, đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại hóa, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến vào việc nâng cao năng lực cho chủ doanh nghiệp và chất lượng nguồn lao động có trình độ cao. Làm tốt vấn đề này, trước hết đòi hỏi phải tăng đầu tư, đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ quy hoạch và hiệu quả.

Thứ ba, từng bước phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ và xem đó như là một giải pháp cốt lõi nhất để giảm nhập siêu. Với điều kiện cụ thể của Việt Nam, việc phát triển ngành

công nghiệp hỗ trợ không thể thực hiện dần trải cho các ngành mà phải phân chia thành các nhóm ngành để xác định bước đi thích hợp cho từng thời kỳ phát triển. Đặc biệt, cần tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh và bình đẳng cho các doanh nghiệp, cụ thể là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, bởi đây chính là những nhà sản xuất có thể phát triển mạnh ở những loại công nghiệp hỗ trợ có nhu cầu lớn nhưng trình độ công nghệ không cao và mức đầu tư không lớn, chẳng hạn các cơ sở sản xuất bao bì, nhãn mác được sử dụng rộng rãi cho nhiều ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp sản phẩm cuối cùng (may mặc, giày dép, chế biến,...). Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp lớn hoạt động và phát triển để kích cầu cho các ngành công nghiệp hỗ trợ.

Thứ tư, thúc đẩy và phát triển mạnh mẽ các loại hình dịch vụ như du lịch, vận tải theo hướng chuyên môn hóa, từ đó góp phần làm giảm nhập siêu trong lĩnh vực này. Thực tế, giá trị xuất khẩu của các loại hình dịch vụ vẫn chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của Việt Nam, do đó chúng ta cần phải khai thác tối đa những lợi thế về du lịch, về xuất khẩu lao động... Bên cạnh đó, một số loại hình dịch vụ khác như giáo dục, y tế cũng cần có những chính sách vĩ mô hợp lý để có sự đầu tư

thỏa đáng, bằng cách đó sẽ góp phần đáng kể vào việc thu ngoại tệ và chống nhập siêu trong lĩnh vực này.

Thứ năm, để kiểm soát nhập siêu nói chung và nhập siêu từ Trung Quốc nói riêng, Bộ Công Thương có thể tiến hành tăng các rào cản thuế quan và phi thuế quan hoặc các quy định nhằm hạn chế xuất khẩu các mặt hàng không thiết yếu. Tuy nhiên, việc tăng thuế phải tuân thủ theo lộ trình giảm thuế đã cam kết với WTO. Cụ thể, cần rà soát lại tất cả các khoản thuế đối với các hàng hóa nhập khẩu và có thể áp dụng đến mức thuế cao nhất mà lộ trình đã cam kết cho phép; bên cạnh đó cần nghiên cứu áp dụng các rào cản phi thuế quan như các rào cản kỹ thuật, biện pháp vệ sinh và an toàn thực phẩm hoặc một số biện pháp đối kháng theo đúng các điều kiện của WTO quy định. Ngoài ra, Chính phủ cũng có thể hạn chế nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu từ Trung Quốc các mặt hàng là thế mạnh của Việt Nam hoặc Việt Nam có thể sản xuất được. Đồng thời chủ trương kêu gọi mọi người dân, mọi doanh nghiệp để cao tinh thần dân tộc trong việc sử dụng sản phẩm nội địa, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh cho các hàng hóa trong nước.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu Việt

Nam. Đây có thể được xem như là giải pháp tổng thể của nhiều giải pháp bởi lẽ muốn nâng cao năng lực cạnh tranh cho hàng hóa, phải giải quyết nhiều vấn đề về giá cả, chất lượng, hậu mãi... Đặc biệt, các doanh nghiệp xuất khẩu cần chủ động tìm hiểu những nhu cầu, những thói quen tiêu dùng của khách hàng nước ngoài cũng như luật lệ hay các rào cản kỹ thuật mà đối phương có thể đưa ra để từ đó sớm có được các giải pháp kịp thời cho hàng hóa của mình.

Cuối cùng và quan trọng nhất trong việc hạn chế nhập siêu là cần tập trung khai thác thị trường trong nước. Cơ cấu nhập khẩu các yếu tố đầu vào và hàng tiêu dùng đã cho thấy sự phát triển của thị trường nội địa chưa thực sự được quan tâm đúng mức, dẫn đến tình trạng nhập siêu liên tục tăng cao. Thêm vào đó, trong những năm qua, Chính phủ đã quá chú trọng vào xuất khẩu, và việc phụ thuộc quá nhiều vào các nước nhập khẩu đã dẫn đến hệ quả là Việt Nam đã phải chịu tác động mạnh từ cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu vừa qua. Chính vì vậy, để đảm bảo nền kinh tế phát triển ổn định và bền vững, Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam cần đảm bảo sự cân đối giữa việc khai thác thị trường nội địa với thị trường xuất khẩu. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quốc Nghi (2010), Thúc đẩy xuất khẩu trái cây Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế. Tạp chí Phát triển kinh tế, số 240, 09/2010.
2. Hạ Thị Thiệu Dao (2010), Một số giải pháp giảm nhập siêu của Việt Nam nhìn từ cơ cấu xuất nhập khẩu. Tạp chí Ngân hàng, số 22, 11/2010.
3. Hoàng Thị Chinh (2010), Nhập siêu ở Việt Nam: Đây là những nguyên nhân và giải pháp khắc phục?. Kỷ yếu hội thảo khoa học Thúc đẩy kiểm soát và hạn chế nhập siêu, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
4. Võ Thanh Thu (2010), Một vài đề xuất giảm nhập siêu. Kỷ yếu hội thảo khoa học Thúc đẩy kiểm soát và hạn chế nhập siêu, Nhà xuất bản Đà Nẵng.